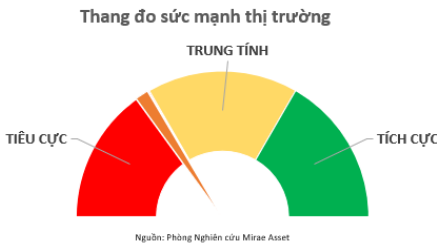


06 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M	1Y (%)
VN-INDEX	1,354.79	-3.99	-1.40	57.32
HNX	318.51	-2.82	-3.41	181.69
UPCOM	89.07	-1.55	-1.68	57.69
MSCI EM	1,354.47	-0.07	-1.96	27.72
NIKKEI	28,643.21	0.16	-1.03	26.10
HANG	28,072.86	-0.25	-2.92	6.58
KOSPI	3,305.21	0.36	2.01	51.07
FTSE	7,154.21	-0.15	1.20	13.81
S&P 500	4,352.34	0.75	2.89	39.05
NASDAQ	14,639.33	0.81	5.97	43.42

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.47	2.72	14.97
SET INDEX	29.80	1.70	5.97
JCI INDEX	#N/A N/A	1.86	-7.31
PCOMP	29.89	1.72	5.95

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.08	0	-4	-86
10 năm	2.18	0	-7	-78

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,008	-0.09	0.08	0.80
US\$/KRW	1,130	0.18	-1.50	5.84
US\$/JPY	111	0.16	-1.39	-3.11
US\$/EUR	0.84	0.12	2.86	-4.57
US\$/GBP	0.72	-0.10	2.30	-9.86
US\$/SGD	1.34	0.08	-1.57	3.56

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,123	946	515
HNX	145	150	71
UPCOM	69	66	32

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Phiên giảm sâu đầu tiên trong tháng 7

Sau phiên giảm nhẹ hôm qua, VN-Index mở phiên tương đối tích cực khi đa số thời gian phiên sáng thị trường giữ được sắc xanh, nhưng lực mua yếu dần về cuối phiên. Từ đây, khi bước sang phiên chiều lực bán bất ngờ tăng mạnh khiến chỉ số lao dốc, từ đó kéo theo tâm lý bán tháo của nhà đầu tư khiến VN-Index càng giảm sâu. Kết phiên, VN-Index giảm 56 điểm, tương ứng -4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 28.673 tỷ đồng, HNX: 4.135 tỷ đồng, UPCOM: 1.747 tỷ đồng.

Đây là một trong những phiên giảm điểm mạnh nhất trong lịch sử, vì thế hàng loạt mã giảm sâu và giảm sàn. Toàn sàn HOSE có 350 mã giảm (56 mã giảm sàn) và 59 mã tăng. Ngân hàng và Chứng khoán chứng kiến nhiều mã giảm sàn nhất hôm nay, VHM khá bất ngờ giảm sàn trong khi VIC chỉ giảm 2,3%. Điểm sáng hiếm hoi trong ngày là NVL, PNJ và VJC.

Khối ngoại giao dịch gần như cân bằng trong phiên hôm nay, với chênh lệch không đáng kể.

Phiên giảm điểm mạnh khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index bị suy giảm. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đã quay về mức -3, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-3	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-7	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Sel
Net
(US\$
mn)

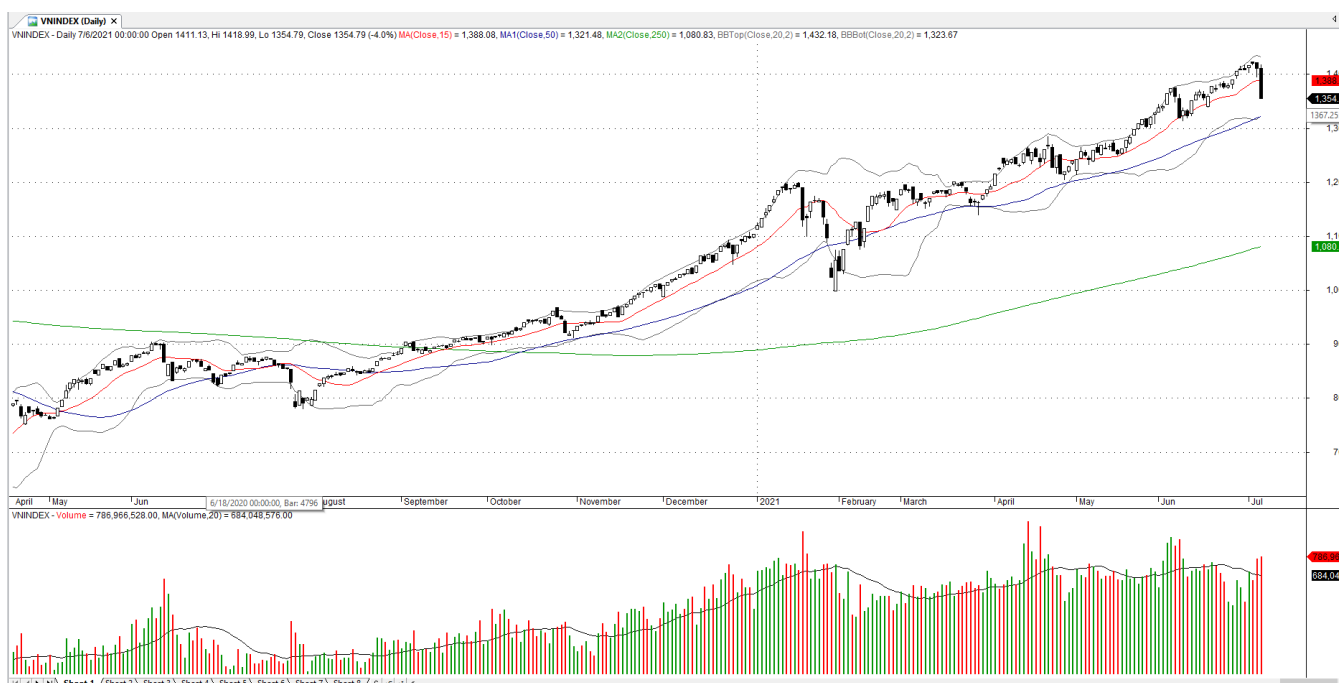
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-3	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-1	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (06/07/2021)	1,354	Kháng cự 1 1.440
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.500
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.350
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.300

VN-Index xuất hiện phiên giảm mạnh đầu tiên trong tháng 7, mốc hỗ trợ gần nhất là 1.310-1.320 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

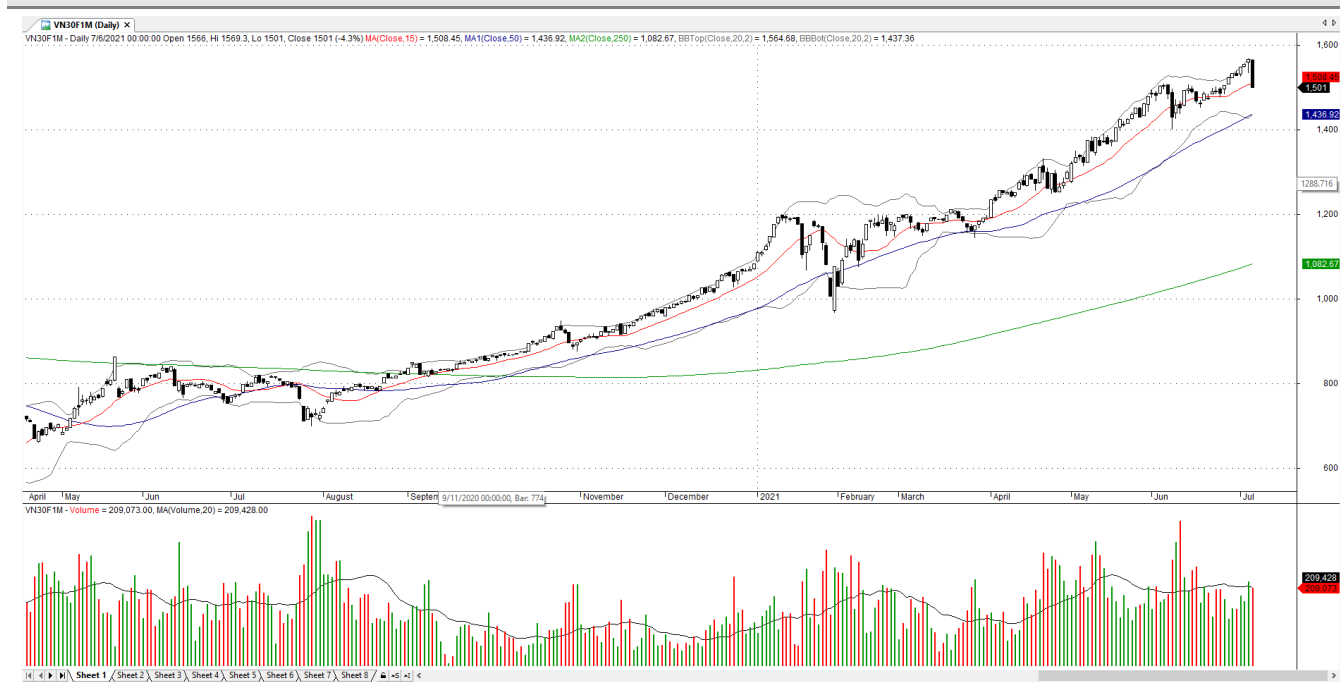
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (06/07/2021)	1.501	Kháng cự 1	1.560
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.600
VN30 - đóng cửa	1.488	Hỗ trợ 1	1.500
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+12,5	Hỗ trợ 2	1.400

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M đi ngang cả phiên sáng và giảm mạnh theo cơ sở vào phiên chiều, spread trong ngày ở mức lớn hơn 60 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.3	14,414,505	-5	TIÊU CỰC	5,134	12.4	1.1
ACB	36	10,340,785	0	TRUNG TÍNH	97,270	11.3	2.6
AGR	15.1	3,566,485	2	TRUNG TÍNH	3,189	26.4	1.5
ART	9.1	4,428,980	-5	TIÊU CỰC	882	33.7	0.8
BID	44	4,052,875	-4	TIÊU CỰC	176,969	21.5	2.2
BSI	23	1,981,585	0	TRUNG TÍNH	2,796	11.2	1.8
BSR	18.9	19,823,090	-7	TIÊU CỰC	58,599	#N/A N/A	1.9
BVH	55.9	1,481,735	-7	TIÊU CỰC	41,496	21.9	2.0
BVS	29.6	1,254,105	0	TRUNG TÍNH	2,137	11.3	1.1
CII	18	2,915,790	-5	TIÊU CỰC	4,300	323.5	0.9
CTG	48.5	18,550,884	-7	TIÊU CỰC	180,585	10.2	2.0
CTR	71.5	632,655	-4	TIÊU CỰC	6,644	23.8	6.3
CTS	23.55	2,142,410	-2	TRUNG TÍNH	2,506	9.6	1.7
DBC	55	2,438,605	-7	TIÊU CỰC	6,338	4.4	1.4
DCM	18.95	4,563,675	-5	TIÊU CỰC	10,032	16.9	1.6
DGC	78	1,017,850	-4	TIÊU CỰC	13,344	14.2	3.2
DGW	127.5	277,465	2	TRUNG TÍNH	5,636	16.7	4.3
DIG	23.2	5,410,950	-7	TIÊU CỰC	9,510	12.4	2.0
DPM	20.9	2,886,875	-5	TIÊU CỰC	8,179	10.8	1.0
DRC	29.45	2,738,870	-3	TRUNG TÍNH	3,498	12.4	2.0
DXG	21.3	11,100,195	-7	TIÊU CỰC	11,040	#N/A N/A	1.7
FIT	17.2	10,248,920	2	TRUNG TÍNH	4,381	64.3	1.4
FLC	11.9	29,742,456	-7	TIÊU CỰC	8,449	6.1	0.9
FPT	87	2,441,980	2	TRUNG TÍNH	78,950	21.2	4.7
FRT	27.35	1,371,325	2	TRUNG TÍNH	2,160	114.9	1.7
GAS	85.8	1,170,040	-5	TIÊU CỰC	164,217	21.7	3.3
GEX	22.7	6,143,060	6	KHẢ QUAN	17,733	13.5	1.9
GMD	41.4	2,669,190	-5	TIÊU CỰC	12,477	33.2	2.1
GVR	33.8	6,166,695	-3	TRUNG TÍNH	135,200	31.0	2.8
HAH	33.5	1,735,470	2	TRUNG TÍNH	1,588	9.6	1.4
HBC	14.3	5,277,435	-7	TIÊU CỰC	3,302	37.3	0.9
HCM	49.4	6,645,460	-2	TRUNG TÍNH	15,069	20.1	3.2
HDB	35	4,571,015	0	TRUNG TÍNH	55,782	11.3	2.3
HDC	47.1	1,032,650	-5	TIÊU CỰC	3,916	14.6	3.2
HDG	42.8	1,318,740	0	TRUNG TÍNH	6,603	6.0	2.0
HNG	10.3	14,300,465	-7	TIÊU CỰC	11,418	438.7	1.3
HPG	48	28,321,864	-5	TIÊU CỰC	214,700	11.8	3.3
HQC	3.44	14,890,950	-7	TIÊU CỰC	1,640	230.0	0.4
HSG	38.7	11,054,170	-5	TIÊU CỰC	18,927	7.9	2.3
HUT	7.6	5,458,670	-7	TIÊU CỰC	2,042	#N/A N/A	0.7
IDC	34	3,719,490	-7	TIÊU CỰC	10,200	32.5	2.8
IJC	28.5	7,653,985	-7	TIÊU CỰC	6,187	9.3	1.8
ITA	6.75	11,575,645	-7	TIÊU CỰC	6,334	30.5	0.6
KBC	35.7	11,483,605	-5	TIÊU CỰC	16,770	21.8	1.6
KDC	61	1,586,640	-2	TRUNG TÍNH	13,954	45.4	2.4
KDH	36.1	2,382,785	-5	TIÊU CỰC	22,493	18.6	2.7
KSB	24.1	1,606,350	-7	TIÊU CỰC	1,766	7.0	1.1
LCG	11.95	2,967,160	-7	TIÊU CỰC	1,377	3.9	0.7
LPB	28	10,130,555	-3	TRUNG TÍNH	30,090	13.4	2.0
MBB	40.1	23,314,396	-3	TRUNG TÍNH	112,230	11.1	2.2
MBS	31.4	2,797,345	0	TRUNG TÍNH	9,910	17.3	2.7
MSN	109	1,375,355	2	TRUNG TÍNH	128,678	85.1	7.9

MWG	155	776,000	2	TRUNG TÍNH	73,673	17.1	4.3
NKG	34.25	4,058,210	2	TRUNG TÍNH	5,891	10.3	1.7
NLG	37.8	2,472,895	-3	TRUNG TÍNH	10,783	9.4	1.6
NVB	19.6	8,059,500	2	TRUNG TÍNH	7,973	734.7	1.9
NVL	117	2,793,835	-2	TRUNG TÍNH	172,412	37.9	5.4
OIL	13.6	3,110,260	-7	TIÊU CỰC	14,066	#N/A N/A	1.5
PAN	24.2	1,834,790	-7	TIÊU CỰC	5,055	25.7	1.4
PDR	94.4	4,981,735	-2	TRUNG TÍNH	45,951	35.0	8.6
PET	22	2,752,205	2	TRUNG TÍNH	1,839	11.9	1.2
PHR	50.6	939,550	-7	TIÊU CỰC	6,856	7.1	2.1
PLX	51.7	3,382,795	-7	TIÊU CỰC	64,305	17.7	2.7
PNJ	99.6	418,625	4	KHẢ QUAN	22,646	20.0	3.9
POW	11.45	10,360,365	-7	TIÊU CỰC	26,814	11.0	0.9
PVD	20.05	9,556,115	-7	TIÊU CỰC	8,444	130.6	0.6
PVS	25	14,564,915	-7	TIÊU CỰC	11,949	18.2	1.0
PVT	18.7	5,698,160	-7	TIÊU CỰC	6,052	8.2	1.2
REE	52.5	704,515	-7	TIÊU CỰC	16,225	9.1	1.4
ROS	5.99	16,466,830	-7	TIÊU CỰC	3,400	186.9	0.6
SBS	14.5	3,448,995	-2	TRUNG TÍNH	1,837	1,598.7	8.9
SBT	19.2	4,419,995	-7	TIÊU CỰC	11,849	17.0	1.5
SCR	10.5	11,370,835	-5	TIÊU CỰC	3,847	21.8	0.8
SHB	29.9	25,380,460	6	KHẢ QUAN	57,574	17.1	2.2
SHI	26.45	1,536,385	3	TRUNG TÍNH	2,410	31.7	2.2
SHS	41.4	8,599,970	-2	TRUNG TÍNH	8,581	8.8	2.3
SSI	52.6	14,413,180	-4	TIÊU CỰC	34,449	19.0	3.0
STB	30.35	28,382,490	2	TRUNG TÍNH	54,741	20.3	1.8
SZC	35	1,141,605	-7	TIÊU CỰC	3,500	16.5	2.6
TCB	54	19,398,556	2	TRUNG TÍNH	189,265	13.3	2.4
TCH	20.6	5,751,065	-7	TIÊU CỰC	8,223	8.1	1.4
TNG	20.5	3,086,370	-7	TIÊU CỰC	1,631	10.9	1.3
TPB	36.55	4,785,995	2	TRUNG TÍNH	39,170	9.6	2.1
TSC	11	4,524,860	-5	TIÊU CỰC	1,624	112.2	1.0
TTF	7.1	6,664,130	-4	TIÊU CỰC	2,210	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	112	1,968,680	2	TRUNG TÍNH	415,394	19.6	4.1
VCI	54.9	3,494,515	0	TRUNG TÍNH	18,282	19.3	3.7
VCS	108	391,845	-2	TRUNG TÍNH	17,280	12.7	4.1
VDS	27	1,329,715	0	TRUNG TÍNH	2,703	8.0	2.1
VGJ	19.1	5,321,965	0	TRUNG TÍNH	9,550	33.5	1.5
VHC	40.4	2,212,940	-7	TIÊU CỰC	7,351	10.5	1.4
VHM	110.3	4,327,415	-5	TIÊU CỰC	362,833	14.0	4.0
VIB	50.5	1,334,155	2	TRUNG TÍNH	78,434	15.0	4.1
VIC	112	2,006,990	-7	TIÊU CỰC	378,832	51.5	4.7
VIX	25.9	4,256,420	-5	TIÊU CỰC	3,308	4.9	1.6
VJC	119.3	584,260	2	TRUNG TÍNH	64,614	52.9	4.3
VND	42.8	7,702,510	-4	TIÊU CỰC	9,181	12.6	3.3
VNM	87	3,400,740	-7	TIÊU CỰC	181,826	18.6	5.8
VPB	71	26,125,780	6	KHẢ QUAN	174,287	15.3	3.1
VRE	29.5	4,603,730	-6	TIÊU CỰC	67,033	25.1	2.2

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

OPEC+ hủy hợp chính sách, không có thỏa thuận sản lượng

Bộ trưởng Năng lượng Arab Saudi Abdulaziz bin Salman kêu gọi “nhượng bộ và hợp lý” để đạt được một thỏa thuận sau hai ngày thảo luận thất bại tuần trước. Tuy nhiên, 4 nguồn tin OPEC+ cho biết tình hình không có tiến triển. Tổng thư ký OPEC Mohammad Barkindo ngày 5/7 thông báo cuộc họp đã bị hủy và không đưa ra thời điểm họp tiếp theo. Đàm phán thất bại, chủ yếu liên quan tăng sản lượng từ tháng 8, giúp thúc đẩy giá dầu Brent tăng 1,1% lên trên 77 USD/thùng. Một số nguồn tin OPEC+ nói sẽ không có sản lượng tăng thêm trong tháng 8. Số khác cho rằng một cuộc gặp mới sẽ diễn ra trong vài ngày tới và tin rằng nguồn cung tháng 8 tăng. “Chưa có quyết định về tháng 8 và thảo luận vẫn tiếp tục. Thị trường cần lượng dầu đó”, một nguồn thạo tin chia sẻ. Giá dầu đang cao nhất kể từ năm 2018 và làm dấy lên lo ngại lạm phát, khiến đà phục hồi kinh tế sau đại dịch của thế giới đi chệch hướng. OPEC+ nhất trí cắt giảm kỷ lục 9,7 triệu thùng/ngày, tương đương 10% tổng sản lượng thế giới, trong năm 2020 để hỗ trợ giá dầu. Hạn chế này được nới lỏng dần và hiện còn giảm 5,8 triệu thùng/ngày.

HPG: Sản lượng bán hàng của Hòa Phát giảm tháng thứ 3 liên tiếp

Tập đoàn Hòa Phát (HoSE: HPG) thông tin sản lượng bán hàng các sản phẩm thép đạt 569.000 tấn, giảm 18% so với tháng trước. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp sản lượng Hòa Phát sụt giảm. Trong đó, thép cuộn cán nóng và thép xây dựng của Tập đoàn đều đạt 230.000 tấn mỗi loại. Ống thép đạt hơn 41.000 tấn, còn lại là tôn mạ và phôi thép. Riêng sản lượng thép xây dựng ghi nhận giảm 29% so với tháng trước và giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng bán hàng thép xây dựng và ống thép của Hòa Phát giảm so với cùng kỳ và tháng trước do ảnh hưởng của đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 trên toàn quốc, đặc biệt là TP HCM và các tỉnh phía Nam cộng với mùa mưa đã bắt đầu. Đặc biệt, Hòa Phát giảm dần việc xuất khẩu phôi thép các tháng gần đây từ 178.000 tấn tháng 3 xuống 52.000 tấn tháng 5. Riêng tháng 6 doanh nghiệp không công bố sản lượng xuất khẩu phôi thép. Lũy kế 6 tháng, tập đoàn sản xuất hơn 4 triệu tấn thép thô, tăng 55% so với cùng kỳ. Sản lượng bán hàng các sản phẩm thép đạt gần 4,3 triệu tấn. Thép xây dựng đạt 1,8 triệu tấn, tăng 22%. Lượng phôi thép phục vụ thị trường trong và ngoài nước là 608.000 tấn. Qua 6 tháng, sản lượng thép cuộn cán nóng vượt 1,3 triệu tấn, tương ứng 50% kế hoạch năm. Ống thép ghi nhận 375.000 tấn, tăng 8%. Sản lượng tôn mạ của Hòa Phát ghi nhận đà tăng trưởng mạnh mẽ nhất, đạt gần 160.000 tấn, cao gấp 2,8 lần so với cùng kỳ.

KHG: Khải Hoàn Land nhận quyết định niêm yết của HoSE

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) thông báo quyết định chấp thuận niêm yết 174,8 triệu cổ phiếu Công ty Bất động sản Khải Hoàn Land, mã chứng khoán KHG. Giá tham chiếu và ngày giao dịch đầu tiên chưa được công bố. Vào tháng 4, Khải Hoàn Land đã tổ chức đấu giá ra công chúng 16 triệu cổ phiếu, tương đương 10% vốn. Toàn bộ cổ phiếu đã được đấu giá thành công với giá trúng thành công bình quân 14.435 đồng/cp. Khải Hoàn Land hoạt động chính trong lĩnh vực tư vấn, môi giới và kinh doanh bất động sản. Năm 2020, doanh nghiệp đạt doanh thu gần 303 tỷ đồng, tăng 123%; lợi nhuận sau thuế 97 tỷ đồng, gấp 9,5 lần năm trước. Năm 2021, công ty đặt kế hoạch mở rộng hệ thống phân phối từ 30 chi nhánh lên 60 - 80 chi nhánh, doanh thu đạt 1.515 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hơn 400 tỷ đồng, gấp lần lượt 5 lần và 3,3 lần thực hiện năm trước.

NSS: chốt quyền trả cổ tức tỷ lệ 82,96%

CTCP Nông sản Đồng Nai (Dolico, UPCoM:NSS) thông báo 19/7 là ngày chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền tỷ lệ trả 82,96%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 8.296 đồng. Thời gian thanh toán vào 30/7. Với cơ cấu cổ đông cô đặc, Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai (Dofico) nắm giữ hơn 84,3% vốn, tương đương gần 8,7 triệu cổ phiếu NSS, theo đó sẽ nhận được 71,8 tỷ đồng từ đợt thanh toán cổ tức này.

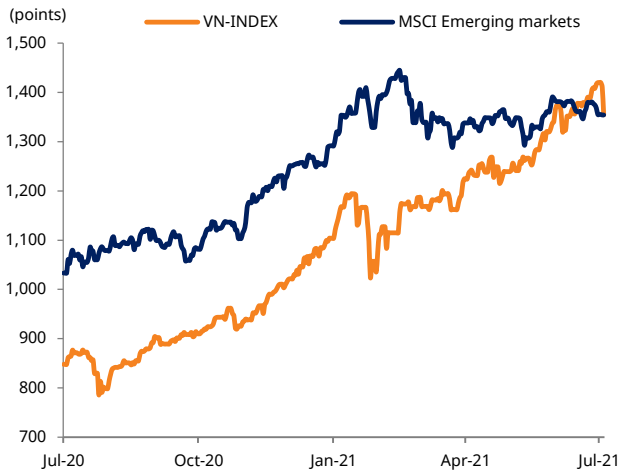
NKG: thu về gần 341 tỷ đồng từ bán cổ phiếu quỹ

Ngày 05/07, CTCP Thép Nam Kim (HOSE: NKG) đã có văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) về kết quả giao dịch bán toàn bộ 10 triệu cp quỹ đã được đăng ký trước đó. Theo báo cáo giao dịch, NKG đã bán thỏa thuận thành công toàn bộ 10 triệu cp quỹ từ ngày 22/06 - 05/07. Với giá bình quân 34,080 đồng/cp, ước tính NKG thu về gần 341 tỷ đồng từ thương vụ. Trước đó, NKG đã đăng ký bán toàn bộ số cổ phiếu quỹ từ ngày 22/06-21/07, với mục đích cơ cấu lại nguồn vốn và bổ sung vốn lưu động để thực hiện đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

BRC: chốt quyền chia cổ tức 2020, tỷ lệ 10%

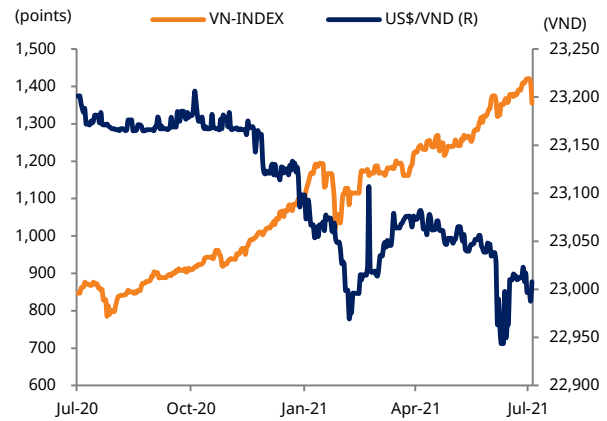
HĐQT CTCP Cao su Bến Thành (HOSE: BRC) thống nhất ngày 19/07/2021 là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông. Theo đó, cổ đông giao dịch ngày 16/07/2021 sẽ không được hưởng quyền nhận cổ tức. BRC sẽ trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 10%/cp bằng tiền mặt, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cp sẽ nhận 1,000 đồng. Như vậy, với hơn 12.37 triệu cp đang lưu hành, ước tính doanh nghiệp sẽ trả hơn 12 tỷ đồng cổ tức cho cổ đông.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



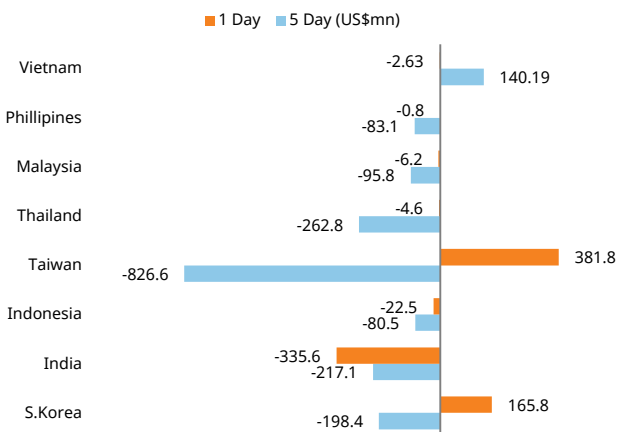
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



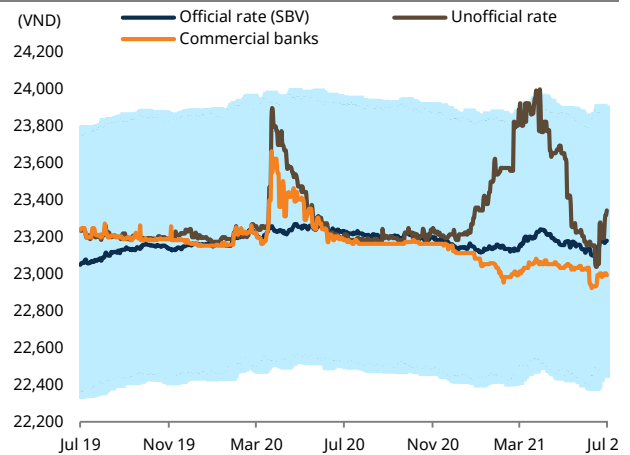
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



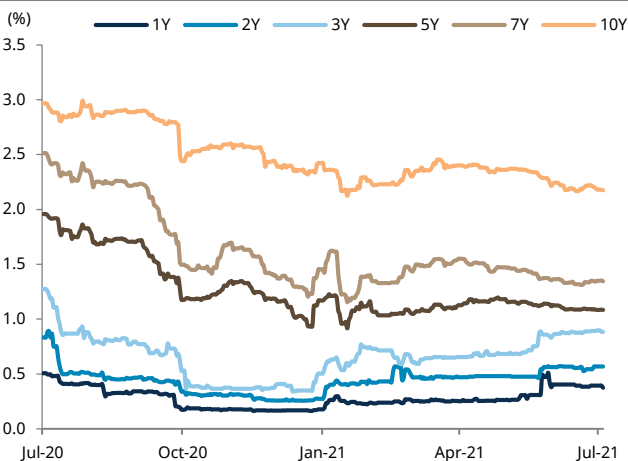
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



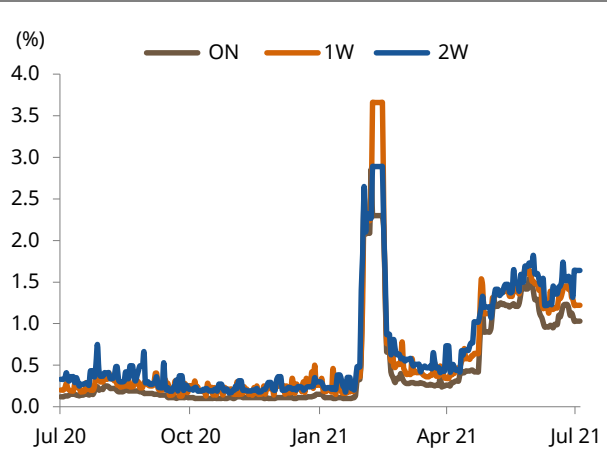
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,488.42	3,737,035		-4.4	-2.7	-1.3	85.3	14.5	12.4	2.7	2.3	15.0	16.6	23.3	20.7
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	44,000	176,969	16.6	-5.7	-6.2	-10.2	9.7	18.7	13.7	2.0	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,900	41,496	27.0	-4.1	-5.4	-2.1	18.9	24.2	21.5	2.0	1.9	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	48,500	180,585	25.1	-6.9	-10.0	-10.2	110.4	11.1	9.2	1.8	1.6	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	87,000	78,950	49.0	-6.1	-1.8	2.7	113.8	19.8	16.2	4.3	3.8	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	85,800	164,217	2.7	-6.7	-7.7	-6.1	18.5	16.5	15.0	3.1	2.9	29.4	9.7	19.9	20.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	35,000	55,782	17.6	-6.4	-2.5	-1.3	122.1	10.1	8.4	1.9	1.6	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	48,000	214,700	26.3	-6.3	-7.3	-11.9	181.7	7.7	7.3	2.4	1.8	117.7	6.0	42.3	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,100	22,493	32.0	-1.9	-3.7	1.4	72.7	18.7	13.8	2.4	2.1	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	40,100	112,230	21.0	-7.0	-7.7	-3.5	173.8	10.1	8.7	1.9	1.6	33.2	17.0	21.2	20.7
Tập đoàn Masan	MSN VN	109,000	128,678	33.0	-2.3	0.5	1.6	89.2	47.6	27.1	6.2	5.0	117.1	75.8	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	155,000	73,673	49.0	-6.9	5.4	12.7	85.6	14.2	11.8	3.6	3.0	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	117,000	172,412	10.1	1.7	-3.3	13.6	150.1	31.7	34.7	5.0	4.9	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	94,400	45,951	4.0	-0.6	-1.6	15.4	413.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,700	64,305	17.3	-5.1	-8.0	-9.6	11.4	19.0	15.8	2.6	2.6	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	99,600	22,646	49.0	0.3	1.0	-1.0	67.4	17.1	13.5	3.6	3.0	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,450	26,814	2.9	-2.1	-5.0	-12.6	14.6	12.8	10.9	0.9	0.9	-10.7	17.8	7.3	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	52,500	16,225	49.0	-4.2	-9.0	-8.5	64.3	9.0	7.2	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	19,200	11,849	8.4	-6.3	-10.7	-8.1	34.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	52,600	34,449	47.0	-6.9	-3.7	7.9	237.2	21.6	16.8	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	30,350	54,741	12.5	-6.9	-2.1	-5.6	162.8	26.1	17.8	1.8	1.6	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	54,000	189,265	22.5	-6.9	0.9	-1.1	166.7	11.7	9.9	2.1	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	20,600	8,223	13.5	-3.3	-5.9	-6.8	-2.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,550	39,170	30.0	-7.0	-2.0	-6.3	113.7	8.5	7.2	1.8	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	112,000	415,394	23.6	-1.4	-1.8	6.8	35.1	18.2	15.2	3.5	2.9	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	110,300	362,833	22.9	-6.9	-7.0	5.6	36.5	11.8	10.5	3.1	2.5	12.4	11.9	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	112,000	378,832	15.8	-2.6	-5.1	-7.4	22.5	80.9	51.0	4.1	3.7	-18.1	58.5	7.7	9.0
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	119,300	64,614	18.3	0.8	-0.6	11.1	10.8	159.1	24.4	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	87,000	181,826	54.9	-2.5	-4.4	-2.8	-10.4	17.7	16.7	5.5	5.2	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	71,000	174,287	15.4	-2.3	6.1	-1.0	222.7	12.5	11.9	2.4	1.9	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	29,500	67,033	30.5	0.0	-6.9	-8.4	8.9	24.0	19.5	2.2	1.9	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-56.34	5,297,218	-4.0	-3.9	-1.4	57.3	16.2	13.4	2.6	2.3	14.0	20.6	20.1	18.9
Ô tô và phụ tùng	-0.10	8,359	-4.3	-4.7	-1.9	47.9	6.1	5.6	1.2	1.1	35.0	9.8	12.3	11.8
Ngân hàng	-22.13	1,758,345	-4.4	-3.1	-2.4	86.9	14.5	11.7	2.4	2.0	31.2	21.9	19.1	18.8
Xây dựng cơ bản	-1.88	172,274	-3.8	-4.6	-5.4	62.5	5.9	4.2	0.4	0.3	9.2	28.9	5.5	6.1
Dịch vụ thương mại	-0.02	4,600	-1.4	-2.2	1.8	17.8	7.6	5.9	NA	NA	18.8	27.9	10.3	12.5
May mặc và trang sức	-0.17	45,055	-1.3	-1.4	2.2	143.1	13.3	10.7	2.6	2.2	41.9	22.0	17.9	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.02	8,291	-0.7	-1.2	3.7	14.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-1.81	94,604	-6.6	-5.3	12.5	217.2	13.0	6.9	0.6	NA	23.2	28.2	8.9	6.6
Năng lượng	-1.26	81,848	-5.3	-7.1	-9.8	27.1	20.1	14.9	2.2	2.2	NA	31.8	13.6	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-3.19	512,997	-2.2	-4.0	0.5	23.3	23.9	17.5	4.5	4.0	39.9	29.5	20.7	21.9
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	819	-4.0	-7.2	-16.6	14.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,821	-0.7	-0.4	-2.8	-3.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	-0.55	49,289	-3.9	-4.7	-1.0	22.0	21.6	19.0	1.8	1.6	11.6	13.8	7.8	8.4
Nguyên vật liệu	-8.23	486,292	-5.8	-7.7	-2.1	161.4	13.7	13.2	2.0	1.0	91.7	-2.8	26.0	18.7
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,464	-1.7	-2.5	-5.3	-26.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.04	35,748	-2.5	-4.2	-11.6	39.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-10.83	1,227,988	-0.3	-2.6	-0.1	26.2	9.0	7.7	1.5	1.0	10.4	14.1	9.2	9.7
Bán lẻ	-1.52	82,225	-3.2	-5.1	0.6	62.7	34.9	24.9	3.0	2.7	18.7	18.9	15.3	14.4
Phần mềm và dịch vụ	-1.44	83,512	-6.3	2.8	11.4	80.7	13.3	11.0	3.3	2.7	37.4	18.4	24.1	24.5
Thiết bị và phần cứng	-0.11	5,636	-6.0	-2.1	2.8	109.9	18.5	15.2	4.1	3.6	29.9	19.3	24.0	24.7
Dịch vụ viễn thông	0.03	1,724	-6.9	-1.8	7.1	208.7	13.5	11.5	3.5	2.8	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	-0.49	161,365	6.9	13.4	29.4	308.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-3.55	247,305	-1.1	-2.8	5.5	28.0	66.7	12.2	25.3	1.4	NA	NA	-69.0	-33.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	117,000	1.7	3,015,300	0.8
VJC VN	119,300	0.8	618,400	0.1
VIB VN	50,500	0.6	4,870,800	0.1
BHN VN	62,100	1.5	17,800	0.1
IMP VN	75,000	3.4	14,900	0.0
SGT VN	23,300	6.9	653,600	0.0
PGD VN	29,100	3.9	13,300	0.0
SVC VN	75,900	3.1	1,500	0.0
CHP VN	19,800	2.6	101,400	0.0
SHI VN	26,450	3.1	2,700,500	0.0

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	110,300	-6.9	4,255,400	-7.3
HPG VN	48,000	-6.3	48,216,300	-3.9
TCB VN	54,000	-6.9	23,008,200	-3.8
CTG VN	48,500	-6.9	26,003,500	-3.6
GAS VN	85,800	-6.7	1,415,500	-3.2
BID VN	44,000	-5.7	6,896,000	-2.9
VIC VN	112,000	-2.6	3,006,500	-2.8
GVR VN	33,800	-6.9	7,988,200	-2.7
MBB VN	40,100	-7.0	22,451,700	-2.3
VCB VN	112,000	-1.4	1,669,600	-1.6

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.